

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN THỊ HẠNH

**CHIA TÀI SẢN CHUNG VỢ CHỒNG THEO
PHÁP LUẬT VIỆT NAM - THỰC TIỄN ÁP
DỤNG VÀ HƯỚNG HOÀN THIỆN**

Chuyên ngành : Luật dân sự

Mã số : 60 38 30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2012

**Công trình đ- ợc hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Thị Thu Vân

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2012.

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang		
<i>Trang phụ bì</i>			
<i>Lời cam đoan</i>			
<i>Mục lục</i>			
<i>Danh mục các từ viết tắt</i>			
<i>Danh mục các bảng</i>			
MỞ ĐẦU	1		
Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CHIA TÀI SẢN CHUNG CỦA VỢ CHỒNG THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM	8		
1.1. Một số vấn đề lý luận về chia tài sản chung của vợ chồng theo pháp luật Việt Nam	8		
1.1.1. Tài sản chung của vợ chồng	10		
1.1.1.1. Khái niệm tài sản chung của vợ chồng	10		
1.1.1.2. Nguồn gốc tài sản chung của vợ chồng	12		
1.1.2. Chia tài sản chung của vợ chồng	20		
1.1.2.1. Khái niệm chia tài sản chung của vợ chồng	20		
1.1.2.2. Cơ sở lý luận và thực tiễn của chế định pháp luật về chia tài sản chung của vợ chồng	21		
1.1.2.3. Đặc điểm của chia tài sản chung của vợ chồng	25		
1.1.3. Lịch sử phát triển chế định chia tài sản chung của vợ chồng trong pháp luật Việt Nam	28		
1.1.3.1. Chia tài sản chung của vợ chồng trong pháp luật thời kỳ phong kiến	28		
1.1.3.2. Chia tài sản chung của vợ chồng theo pháp luật thời kỳ Pháp thuộc	30		
1.1.3.3. Chia tài sản chung của vợ chồng trong pháp luật Việt Nam từ 1945 đến nay	32		
1.2. Các trường hợp chia tài sản chung của vợ chồng theo pháp luật Việt Nam hiện hành	38		
1.2.1. Chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân	38		
1.2.1.1. Điều kiện chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân	38		
1.2.1.2. Nguyên tắc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân	42		
1.2.1.3. Hậu quả pháp lý của việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân	44		
1.2.2. Chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn	46		
1.2.2.1. Điều kiện chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn	46		
1.2.2.2. Nguyên tắc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn	47		
1.2.2.3. Hậu quả pháp lý của việc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn	48		
1.2.3. Chia tài sản chung của vợ chồng khi vợ hoặc chồng chết	49		
1.2.3.1. Điều kiện chia tài sản chung của vợ chồng khi vợ hoặc chồng chết	50		
1.2.3.2. Nguyên tắc chia tài sản chung của vợ chồng khi vợ hoặc chồng chết	51		
1.2.3.3. Hậu quả pháp lý của việc chia tài sản chung của vợ chồng khi vợ hoặc chồng chết	52		
Chương 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ CHIA TÀI SẢN CHUNG CỦA VỢ CHỒNG	55		
2.1. Thực tiễn áp dụng các quy định chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân	55		
2.1.1. Thực tiễn áp dụng các quy định về điều kiện chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân	57		
2.1.2. Thực tiễn áp dụng các quy định về nguyên tắc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân	65		
2.1.3. Thực tiễn áp dụng các quy định về hậu quả pháp lý của việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân	67		
2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn	75		
2.2.1. Thực tiễn áp dụng quy định về xác định tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn	78		
2.2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định về nguyên tắc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn	96		
2.3. Thực tiễn áp dụng các quy định chia tài sản chung của vợ chồng khi vợ hoặc chồng chết	102		
2.3.1. Thực tiễn áp dụng các quy định về xác định tài sản chung của vợ chồng khi vợ hoặc chồng chết	103		
2.3.2. Thực tiễn áp dụng các quy định về nguyên tắc chia tài sản chung của vợ chồng khi vợ hoặc chồng chết	104		
2.3.3. Thực tiễn áp dụng các quy định về hậu quả pháp lý của việc chia tài sản chung của vợ chồng khi vợ hoặc chồng chết	106		
Chương 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ CHIA TÀI SẢN CHUNG CỦA VỢ CHỒNG	110		
3.1. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện chế định pháp luật về chia tài sản chung của vợ chồng	110		
3.1.1. Hoàn thiện quy định pháp luật về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân	111		
3.1.1.1. Giới hạn quyền chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân để thực hiện nghĩa vụ dân sự riêng	111		
3.1.1.2. Quy định cụ thể về lý do chính đáng	112		
3.1.1.3. Quy định quyền yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng cho người thứ ba (người có quyền)	114		
3.1.1.4. Quy định cụ thể trường hợp vợ chồng yêu cầu Tòa án chia tài sản chung và nguyên tắc chia tài sản chung tại Tòa án	116		
3.1.1.5. Quy định văn bản thỏa thuận chia tài sản chung phải công chứng hoặc được Tòa án công nhận	117		
3.1.1.6. Bổ sung thêm quy định về hậu quả pháp lý của chế định chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân	119		
3.1.1.7. Quy định cụ thể về thuế, lệ phí liên quan đến tài sản được chia khi vợ chồng chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân	121		
3.1.2. Hoàn thiện quy định pháp luật về chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn	122		
3.1.2.1. Hướng dẫn cụ thể về hình thức nhập tài sản riêng vào tài sản chung theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000	122		
3.1.2.2. Hướng dẫn cụ thể hơn về nguyên tắc chia tài sản chung khi vợ chồng sống cùng với gia đình	123		
3.1.3. Hoàn thiện quy định pháp luật về chia tài sản chung của vợ chồng khi vợ hoặc chồng chết	123		
3.1.3.1. Quy định nguyên tắc chia tài sản chung khi vợ hoặc chồng chết	123		
3.1.3.2. Quy định rõ hậu quả của việc hủy bỏ quyết định tuyên bố vợ hoặc chồng đã chết	124		
3.2. Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về chia tài sản chung của vợ chồng	125		
3.2.1. Giải pháp nâng cao chất lượng xét xử các vụ việc liên quan tới chia tài sản chung của vợ chồng	125		
3.2.2. Có cơ chế, chính sách phù hợp để phát triển các tổ chức hành nghề công chứng	127		
3.2.3. Triển khai đồng bộ, nghiêm túc quy định pháp luật về đăng ký tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng	128		
3.2.4. Tuyên truyền, phổ biến sâu, rộng pháp luật Hôn nhân và gia đình đặc biệt là các quy định về tài sản chung của vợ chồng	129		
KẾT LUẬN	131		
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	133		
PHỤ LỤC	138		

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Bên cạnh việc điều chỉnh quan hệ nhân thân, pháp luật cũng dành nhiều quy định điều chỉnh các quan hệ tài sản giữa gia đình và các chủ thể khác trong xã hội, giữa các thành viên trong gia đình và đặc biệt là giữa vợ chồng. Những quy định pháp luật về tài sản của vợ chồng cũng thường xuyên được rà soát, sửa đổi, bổ sung để điều chỉnh các quan hệ xã hội mới phát sinh.

Tuy nhiên thực tiễn phát triển nhanh, đa dạng của đời sống kinh tế - xã hội đã và đang làm bộc lộ nhiều điểm chưa hợp lý của pháp luật hiện hành. Trong đó, chia tài sản chung của vợ chồng nổi lên như là vấn đề bức thiết bởi những năm gần đây, các tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng, đặc biệt là chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn gia tăng nhanh chóng. Hơn nữa, những tranh chấp này thường là những tranh chấp phức tạp và kéo dài, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình cảm giữa các thành viên trong gia đình và sự ổn định của xã hội. Nguyên nhân dẫn tới tình trạng trên một phần do tính chất đa dạng, phức tạp của các quan hệ tài sản của vợ chồng. Mặt khác, tình trạng gia tăng các tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng cũng cho thấy những bất cập, điểm khuyết của pháp luật về chia tài sản chung của vợ chồng. Các quy định này đã bộc lộ nhiều hạn chế, vướng mắc gây khó khăn thậm chí lúng túng trong quá trình áp dụng pháp luật của các đương sự cũng như của tòa án khi giải quyết các vấn đề liên quan đến chia tài sản chung của vợ chồng. Thực trạng trên cho thấy, có một công trình nghiên cứu sâu về chế định chia tài sản chung của vợ chồng nhằm nhận dạng những khuyết thiếu của pháp luật dưới góc độ thực tiễn áp dụng là hết sức cần thiết. Đây chính là lý do để tác giả lựa chọn đề tài "**Chia tài sản chung vợ chồng theo pháp luật Việt Nam - Thực tiễn áp dụng và hướng hoàn thiện**".

2. Tình hình nghiên cứu

Trong thời gian qua đã có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến chế định chia tài sản chung của vợ chồng. Có thể tạm phân loại các công trình nghiên cứu này thành ba nhóm lớn như sau:

Nhóm các luận văn, luận án: Các công trình nghiên cứu tiêu biểu trong nhóm này có: *Chế độ tài sản của vợ chồng theo luật hôn nhân và gia đình*

Việt Nam (Nguyễn Văn Cừ, luận án tiến sĩ, 2005); *Xác định chế độ tài sản của vợ chồng - một số vấn đề lý luận và thực tiễn* (Nguyễn Hồng Hải, luận văn thạc sĩ, 2002); ... Các công trình này hoặc có phạm vi nghiên cứu rộng, đề cập đến nhiều khía cạnh khác nhau trong vấn đề tài sản vợ chồng, hoặc chỉ giải quyết một khía cạnh nhỏ trong chế định chia tài sản chung của vợ chồng.

Nhóm sách giáo trình, sách chuyên khảo: Trong nhóm này có thể kể đến một số công trình tiêu biểu như *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về Luật HN&GD năm 2000* (Nguyễn Văn Cừ - Ngô Thị Hương, 2002, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội); *Bình luận khoa học Luật HN&GD Việt Nam* (Nguyễn Ngọc Điện, 2002, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh... Trong các cuốn sách trên, chế định chia tài sản chung của vợ chồng thường chỉ được phân tích một cách chung chung, có tính chất tổng quát, chứ không phân tích một cách chuyên sâu và cụ thể.

Nhóm các bài viết trên các báo, tạp chí: Có thể kể đến một số bài như *Bàn thêm về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân theo pháp luật hôn nhân gia đình hiện hành* (Nguyễn Hồng Hải, 2003, tạp chí luật học, số 5); *Hậu quả pháp lý của việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân* (Nguyễn Phương Lan 2002, Tạp chí Luật học, số 6).. Các bài viết này thường phân tích rất sâu một vấn đề trong chế định chia tài sản chung vợ chồng, nhưng do tính chất của một bài viết nghiên cứu, các tác giả chỉ đề cập đến một khía cạnh hoặc một trường hợp cụ thể liên quan đến việc chia tài sản chung của vợ chồng mà không thể phân tích toàn diện các khía cạnh của chế định này.

Một điểm chung của cả ba nhóm công trình nghiên cứu kể trên, đó là phần lớn các tác giả thường thiên về việc phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về chia tài sản chung vợ chồng. Một số công trình nghiên cứu, cũng đã có dẫn chiếu, liên hệ thực tiễn áp dụng một số quy định pháp luật, tuy nhiên, sự liên hệ, phân tích đó chỉ có tính chất minh họa cho một số trường hợp cụ thể mà chưa có sự soi chiếu một cách tổng thể, toàn diện tất cả các khía cạnh của chế định chia tài sản chung vợ chồng vào thực tiễn. Do vậy, các công trình nghiên cứu trên so với đề tài của luận văn này là hoàn toàn không có sự trùng lặp về mặt nội dung.

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn

Trên cơ sở tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về chia tài sản chung của vợ chồng, luận văn phân tích, đánh giá việc áp dụng pháp luật, nhận dạng những thuận lợi cũng như những bất cập, hạn chế trong quá trình áp dụng pháp luật về chia tài sản chung của vợ chồng, trên cơ sở đó chỉ ra những điểm còn thiếu sót, chưa phù hợp của luật thực định và của quá trình áp dụng luật vào thực tiễn. Từ đó, luận văn đưa ra một số kiến nghị, giải pháp có tính chất khả thi nhằm góp phần hoàn thiện quy định pháp luật về chia tài sản chung của vợ chồng đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn đời sống đang ngày càng phát triển đa dạng, phong phú.

Để đạt được mục tiêu nêu trên, luận văn xác định những nhiệm vụ cơ bản sau đây:

Thứ nhất, khái quát cơ sở lý luận và thực tiễn của các quy định pháp luật về chia tài sản chung của vợ chồng;

Thứ hai, rà soát, tổng hợp một cách sơ lược lịch sử phát triển chế định chia tài sản chung của vợ chồng trong suốt chiều dài lịch sử tiến triển của chế định này trong hệ thống pháp luật Việt Nam;

Thứ ba, phân tích, đánh giá quy định của pháp luật hiện hành về chia tài sản chung của vợ chồng;

Thứ tư, phân tích, nhận dạng những bất cập, hạn chế khi áp dụng quy định pháp luật thực định về chia tài sản chung của vợ chồng vào thực tiễn Việt Nam;

Và thứ năm, trên cơ sở các phân tích kể trên, kiến nghị một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về chia tài sản chung của vợ chồng cả dưới góc độ pháp luật lẫn áp dụng pháp luật.

4. Phạm vi nghiên cứu

Trong khuôn khổ của một luận văn thạc sĩ, luận văn tập trung vào một số vấn đề sau:

- Quy định của pháp luật hiện hành về chế độ tài sản chung của vợ chồng. Trong đó tập trung chủ yếu vào chia tài sản chung của vợ chồng được quy định trong Luật HN&GD năm 2000, BLDS năm 2005 và một số văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật hiện hành về chia tài sản chung của vợ chồng. Trong đó, tập trung vào một số vấn đề khó khăn, vướng mắc, điển hình; các trường hợp áp dụng sai luật...; tìm hiểu và nghiên cứu những ví dụ cụ thể, những bản án thực tế từ đó bình luận và phân tích những nguyên nhân chính làm giảm hiệu quả áp dụng pháp luật về chia tài sản chung của vợ chồng trong thực tế.

- Một số quy định của pháp luật các nước trên thế giới về chia tài sản chung của vợ chồng như BLDS Pháp, Bộ luật dân sự và thương mại Thái Lan... có sự so sánh và đối chiếu với pháp luật Việt Nam, qua đó tiếp thu những điểm tiến bộ và phù hợp với thực tiễn và pháp luật Việt Nam về chia tài sản chung của vợ chồng.

Luận văn không đề cập đến góc độ thủ tục tố tụng khi giải quyết vấn đề chia tài sản chung vợ chồng. Luận văn cũng không xem xét, nghiên cứu vấn đề chia tài sản chung vợ chồng dưới góc độ tư pháp quốc tế.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả sử dụng phối hợp nhiều phương pháp khác nhau như phương pháp phân tích - so sánh, phương pháp tổng hợp (trên cơ sở phân tích, so sánh và tham khảo pháp luật nước ngoài), phương pháp thống kê, khảo sát thực tiễn... Trong quá trình khảo sát thực tiễn, luận văn đã áp dụng phương pháp phỏng vấn sâu một số người có liên quan để thu thập những tài liệu mà các tài liệu lưu trữ chính thống còn khuyết thiếu, đồng thời nhằm có thêm tư liệu sinh động từ thực tiễn của người trực tiếp áp dụng pháp luật.

6. Điểm mới của luận văn

- Luận văn đã hệ thống hóa và phân tích khái niệm chia tài sản chung của vợ chồng, những điểm đặc trưng của chia tài sản chung của vợ chồng thuộc hình thức sở hữu chung hợp nhất so với chia tài sản chung ở các hình thức sở hữu khác.

- Luận văn khái quát và phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của các quy định pháp luật về chia tài sản chung của vợ chồng.

- Từ những ví dụ cụ thể về thực tiễn áp dụng pháp luật, luận văn nhận dạng những quy định chưa phù hợp, những điểm còn khiếm khuyết của pháp luật hiện hành về chia tài sản chung của vợ chồng cả dưới góc độ pháp luật

và thực tiễn áp dụng pháp luật. Đồng thời, luận văn đưa ra và phân tích một số yếu tố khác tác động vào và làm giảm hiệu quả áp dụng pháp luật về chia tài sản chung của vợ chồng. Trên cơ sở đó, luận văn kiến nghị một số giải pháp có tính chất khả thi nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật và tiến tới hoàn thiện pháp luật về chia tài sản chung của vợ chồng.

7. Ý nghĩa của luận văn

Luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong quá trình nghiên cứu, hoàn thiện chế định pháp luật về chia tài sản chung của vợ chồng, từ đó nâng cao vai trò và hiệu quả điều chỉnh của pháp luật đối với đời sống xã hội. Luận văn cũng có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu và học tập các môn học như Luật dân sự, Luật HN&GD... tại các cơ sở đào tạo pháp luật.

8. Kết cấu của luận văn

Ngoài Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung của luận văn gồm ba chương:

Chương 1: Khái quát chung về chia tài sản chung của vợ chồng theo pháp luật Việt Nam.

Chương 2: Thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật hiện hành về chia tài sản chung của vợ chồng.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về chia tài sản chung của vợ chồng.

Chương 1

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CHIA TÀI SẢN CHUNG CỦA VỢ CHỒNG THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

1.1. Một số vấn đề lý luận về chia tài sản chung của vợ chồng theo pháp luật Việt Nam

1.1.1. Tài sản chung của vợ chồng

Tài sản của vợ chồng cũng là một loại tài sản theo pháp luật dân sự vì vậy nghiên cứu vấn đề tài sản của vợ chồng phải đặt trong bối cảnh của chế định tài sản nói chung. Theo quy định tại Điều 163 BLDS năm 2005 "*tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản*".

1.1.1.1. Khái niệm tài sản chung của vợ chồng

Tài sản của vợ chồng bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản thuộc sở hữu của vợ chồng. Tài sản của vợ chồng gồm có tài sản chung của vợ chồng và tài sản riêng của vợ, chồng. *Tài sản chung của vợ chồng là tài sản thuộc sở hữu chung của cả vợ và chồng - vợ, chồng cùng là chủ sở hữu đối với khối tài sản đó.*

1.1.1.2. Nguồn gốc tài sản chung của vợ chồng

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, chế độ tài sản của vợ chồng là chế độ tài sản pháp định. Theo đó, nguồn gốc tài sản chung của vợ chồng bao gồm: Tài sản chung do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động và thu nhập hợp pháp khác của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân; tài sản chung do vợ chồng được thừa kế chung, tặng cho chung; tài sản chung theo thỏa thuận của vợ chồng; tài sản chung do áp dụng nguyên tắc suy đoán; tài sản chung là quyền sử dụng đất mà vợ chồng có được sau khi kết hôn.

1.1.2. Chia tài sản chung của vợ chồng

1.1.2.1. Khái niệm chia tài sản chung của vợ chồng

Bình thường, tài sản chung của vợ chồng là tài sản chung hợp nhất - phần quyền sở hữu của vợ, chồng không được xác định trước. Khi đem chia, khối tài sản chung được phân, tách thành từng phần (tính theo hiện vật hoặc giá trị) để vợ, chồng có quyền sở hữu riêng. Như vậy, *chia tài sản chung của vợ chồng là phân chia tài sản chung của vợ chồng thành từng phần thuộc sở hữu riêng của vợ và của chồng.*

1.1.2.2. Cơ sở lý luận và thực tiễn của chế định pháp luật về chia tài sản chung của vợ chồng

Quy định về quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân (Điều 58), những quy định của BLDS năm 2005 liên quan đến sở hữu chung của vợ chồng như sở hữu chung của vợ chồng (Điều 219); chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung (Điều 221, 222, 223); chia tài sản thuộc hình thức sở hữu chung (Điều 224)... là những quy định tiền đề để Luật HN&GD quy định cụ thể về các trường hợp cũng như điều kiện, nguyên tắc.. chia tài sản chung của vợ chồng.

Điều kiện hình thành và duy trì khối tài sản chung của vợ chồng là có tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa vợ chồng. Khi một đồng sở hữu

chung hợp nhất không còn do vợ chồng ly hôn hoặc vợ, chồng chết trước, lúc này, thời kỳ hôn nhân chấm dứt, khối tài sản chung của vợ chồng không còn cơ sở để duy trì và phát triển. Mặt khác, khi vợ, chồng chết, chia tài sản chung của vợ chồng còn nhằm đảm bảo quyền lợi của những người thừa kế theo quy định của pháp luật thừa kế và để vợ, chồng còn sống có thể thực hiện đầy đủ quyền năng của chủ sở hữu đối với tài sản của mình.

Bên cạnh đó, thực tiễn phát triển đòi hỏi phải có một cơ chế hợp lý, vừa tạo điều kiện cho vợ, chồng đầu tư kinh doanh; thực hiện các nghĩa vụ tài sản khác... vừa đảm bảo sự ổn định, phát triển của gia đình cũng là một trong những cơ sở để nhà làm luật xây dựng các trường hợp chia tài sản chung của vợ chồng.

1.1.2.3. Đặc điểm của chia tài sản chung của vợ chồng

Chỉ được chia tài sản chung của vợ chồng khi thuộc trường hợp chia pháp luật quy định

Sở hữu chung hợp nhất của vợ chồng đối với tài sản chung bắt đầu từ khi quan hệ hôn nhân được xác lập và được thực hiện trong suốt thời kỳ hôn nhân, vợ chồng không thể thỏa thuận nhằm thay đổi chế độ tài sản chung này. Vì vậy, việc chia tài sản chung của vợ chồng chỉ được thực hiện khi "rơi" vào các trường hợp chia do pháp luật dự liệu, vợ chồng không thể chia tài sản chung chỉ vì ý thích cá nhân của vợ chồng.

Cơ chế phân chia đặc biệt

Khi tài sản chung được chia tại Tòa án, chia tài sản chung bắt đầu bằng việc áp dụng nguyên tắc chia đôi, việc tính toán công sức đóng góp của vợ, chồng cũng chỉ mang tính ước lượng tương đối mà không thể tính toán số học một cách tuyệt đối như đối với các trường hợp đóng góp ở hình thức sở hữu chung theo phần. Đặc biệt hơn, khi vợ, chồng chết tài sản chung được chia đôi mà không xét đến công sức đóng góp nhiều hay ít của vợ, chồng. Cơ chế phân chia này duy nhất chỉ xuất hiện ở chia tài sản chung của vợ chồng.

1.1.3. Lịch sử phát triển chế định chia tài sản chung của vợ chồng trong pháp luật Việt Nam

1.1.3.1. Chia tài sản chung của vợ chồng trong pháp luật thời kỳ phong kiến

Pháp luật dưới các triều đại phong kiến Việt Nam hầu như thiếu vắng các quy định về quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình, giữa vợ

và chồng đặc biệt là chia tài sản chung của vợ chồng. Trong đó, Bộ Quốc triều hình luật (Bộ luật Hồng đức) dưới triều Lê chỉ dự liệu một số trường hợp chia tài sản của vợ chồng khi một bên vợ, chồng chết trước còn Bộ Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long) dưới triều Nguyễn không có quy định nào về chia tài sản chung của vợ chồng.

1.1.3.2. Chia tài sản chung của vợ chồng theo pháp luật thời kỳ pháp thuộc

Trong thời kỳ Pháp thuộc các quy định về chia tài sản của vợ chồng đều thể hiện sự bất bình đẳng giữa vợ và chồng, sự bất công đối với người vợ, bảo vệ quyền của người gia trưởng - người chồng trong gia đình.

1.1.3.3. Chia tài sản chung của vợ chồng trong pháp luật Việt Nam từ 1945 đến nay

Giai đoạn 1945 - 1954: Năm 1950 Nhà nước ta đã ban hành sắc lệnh số 97/SL và sắc lệnh số 159/SL. Theo tinh thần của hai sắc lệnh thì có thể suy luận tài sản chung của vợ chồng phải được chia đôi, mỗi bên vợ, chồng được chia một nửa giá trị tài sản chung.

Giai đoạn 1954 - 1975: Ở miền Nam: Luật Gia đình năm 1959 không quy định về hai trường hợp chia tài sản chung khi ly hôn và khi vợ, chồng chết trước. Sắc luật 15/64 chỉ dự liệu chia tài sản chung khi vợ chồng ly thân hoặc ly hôn. Bộ Dân luật 1972 dự liệu cả ba trường hợp chia tài sản chung đó là khi vợ, chồng chết; khi vợ chồng ly thân và ly hôn. Ngoài ra, trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng cũng có thể làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên phán sự biệt sản trong một số trường hợp được luật dự liệu. *Ở miền Bắc:* Luật HN&GD năm 1959 quy định một chế độ tài sản duy nhất là chế độ tài sản chung. Khi một bên vợ, chồng chết hoặc khi hai vợ chồng ly hôn tài sản chung sẽ được chia "*căn cứ vào sự đóng góp về công sức của mỗi bên, vào tình hình tài sản và tình trạng cụ thể của gia đình*" (Điều 29).

Giai đoạn 1975 đến nay: Bên cạnh 2 trường hợp chia tài sản chung được quy định tại Luật HN&GD năm 1959, Luật HN&GD năm 1986 quy định thêm trường hợp chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Theo đó, chia tài sản chung khi hôn nhân còn tồn tại được chia như ly hôn "*tài sản chung của vợ chồng được chia đôi, nhưng có xem xét một cách hợp lý đến tình hình tài sản, tình trạng cụ thể của gia đình và công sức đóng*

góp của mỗi bên" (Điều 42). Trường hợp vợ, chồng chết, tài sản chung của vợ chồng có thể được chia (nếu cần) theo nguyên tắc chia đôi mà không cần căn cứ vào công sức đóng góp của các bên.

Luật HN&GD năm 2000 cũng quy định ba trường hợp chia tài sản chung là chia trong thời kỳ hôn nhân; khi ly hôn và khi vợ hoặc chồng chết.

1.2. Các trường hợp chia tài sản chung của vợ chồng theo pháp luật Việt Nam hiện hành

1.2.1. Chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân

1.2.1.1 Điều kiện chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân

** Điều kiện về nội dung*

Lý do chia tài sản chung: Chia tài sản chung để vợ chồng đầu tư kinh doanh riêng; chia tài sản chung để vợ chồng thực hiện nghĩa vụ dân sự riêng; chia tài sản chung khi có lý do chính đáng khác.

Chia tài sản chung của vợ chồng không nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ về tài sản

** Điều kiện về hình thức*

Chia tài sản chung của vợ chồng phải được lập thành văn bản và có thể được công chứng theo yêu cầu của vợ chồng hoặc theo quy định pháp luật

1.2.1.2. Nguyên tắc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân

Chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân trước hết do vợ chồng thỏa thuận. Nếu vợ chồng không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên pháp luật hiện hành không quy định thể nào là *không thỏa thuận được* và không quy định nguyên tắc chia khi chia tài sản chung tại Tòa án.

1.2.1.3 Hậu quả pháp lý của việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân

Quan hệ nhân thân: Sau khi chia tài sản chung, về mặt pháp lý, quan hệ nhân thân của vợ chồng không có gì thay đổi. Vợ, chồng vẫn có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ về nhân thân đối với nhau và với gia đình như nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, chăm sóc nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm...

Quan hệ tài sản: Tài sản chung đã chia trở thành tài sản riêng của vợ, chồng. Phần tài sản chung còn lại chưa chia và hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản đó vẫn thuộc sở hữu chung của vợ chồng. Tuy nhiên, *"thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất kinh doanh và những thu nhập hợp pháp khác của mỗi bên sau*

khi chia tài sản chung là tài sản riêng của vợ, chồng trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác" (Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 70/2001/NĐ-CP).

Sau khi đã chia tài sản chung, pháp luật còn quy định quyền của vợ chồng được thỏa thuận khôi phục chế độ tài sản chung tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 70/2001/NĐ-CP.

1.2.2. Chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn

1.2.2.1. Điều kiện chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn

Khi ly hôn, vấn đề chia tài sản chung của vợ chồng được đặt ra như một tất yếu vì ly hôn làm chấm dứt quan hệ hôn nhân của vợ chồng, chấm dứt cơ sở hình thành, phát triển của khối tài sản chung.

1.2.2.2. Nguyên tắc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn

Theo quy định tại Điều 95 Luật HN&GD năm 2000, khi ly hôn tài sản chung của vợ chồng về nguyên tắc được chia đôi. Tuy nhiên, để đảm bảo thanh toán tài sản chung được công bằng, hợp lý Tòa án cần xem xét công sức đóng góp của mỗi bên vào việc tạo lập, duy trì, phát triển khối tài sản chung, hoàn cảnh của mỗi bên, tình trạng tài sản ... để quyết định chia tài sản chung bằng hiện vật hay giá trị, hoặc chia loại tài sản nào cho phù hợp. Khi chia quyền sử dụng đất, nhà ở phải đồng thời kết hợp với các nguyên tắc đặc thù khác để phù hợp với các quy định pháp luật đất đai, nhà ở...

1.2.2.3 Hậu quả pháp lý của việc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn

Chế độ tài sản chung của vợ chồng cũng hoàn toàn chấm dứt. Tài sản chung của vợ chồng sau khi chia cho vợ, chồng sẽ trở thành tài sản riêng của mỗi người và chịu sự điều chỉnh bởi các quy định pháp luật về sở hữu riêng.

1.2.3. Chia tài sản chung của vợ chồng khi vợ hoặc chồng chết

1.2.3.1. Điều kiện chia tài sản chung của vợ chồng khi vợ hoặc chồng chết

Khi vợ hoặc chồng chết, tài sản chung của vợ chồng có thể được chia theo yêu cầu chia di sản của người thừa kế hoặc yêu cầu của chính người chồng hoặc vợ còn sống. Nếu việc chia di sản làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của bên chồng hoặc vợ còn sống và gia đình thì việc chia di sản có thể được tạm hoãn với thời hạn tối đa là ba năm.

1.2.3.2. Nguyên tắc chia tài sản chung của vợ chồng khi vợ hoặc chồng chết

Pháp luật hiện hành không quy định về nguyên tắc chia tài sản chung của vợ chồng khi vợ hoặc chồng chết.

1.2.3.3. Hậu quả pháp lý của việc chia tài sản chung của vợ chồng khi vợ hoặc chồng chết

Sau khi chia tài sản chung, tài sản của người chồng hoặc vợ còn sống do người đó toàn quyền sử dụng, định đoạt. Tài sản của vợ, chồng đã chết trở thành di sản của người đó và được chia theo quy định của pháp luật thừa kế. Trong trường hợp người chồng hoặc vợ trước đó bị Tòa án ra quyết định tuyên bố là đã chết nay có quyết định "hủy bỏ tuyên bố một người là đã chết theo quy định tại Điều 93 của BLDS (tức Điều 83 BLDS 2005) mà vợ hoặc chồng của người đó chưa kết hôn với người khác thì quan hệ hôn nhân (quan hệ nhân thân và tài sản) đương nhiên được khôi phục".

Tóm lại, xuất phát từ tính chất đặc biệt của quan hệ vợ chồng, chia tài sản chung của vợ chồng cũng mang những đặc điểm riêng so với chia tài sản của các hình thức sở hữu chung khác như chỉ được chia khi thuộc trường hợp chia pháp luật quy định, cơ chế phân chia đặc biệt... Pháp luật hiện hành đã có nhiều quy định cụ thể, chi tiết về chia tài sản chung của vợ chồng nhưng đồng thời cũng thiếu đi nhiều quy định quan trọng làm cơ sở của việc phân chia tài sản chung như nguyên tắc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân tại Tòa án, nguyên tắc chia tài sản chung khi vợ, chồng chết...

Chương 2

THỰC TIỄN ÁP DỤNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ CHIA TÀI SẢN CHUNG CỦA VỢ CHỒNG

2.1. Thực tiễn áp dụng các quy định chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân

2.1.1. Thực tiễn áp dụng các quy định về điều kiện chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân

Thực tiễn áp dụng pháp luật, các cơ quan quản lý nhà nước thiếu cơ sở đánh giá nghĩa vụ dân sự như thế nào thì vợ, chồng được yêu cầu chia tài sản chung hay như thế nào là lý do chính đáng theo quy định tại Điều 29 Luật HN&GD năm 2000 do luật không quy định cụ thể vấn đề này. Thực tế ghi nhận những lý do vợ chồng đưa ra để yêu cầu chia tài sản chung là rất đa dạng ví dụ vợ chồng rạn nứt tình cảm, chuẩn bị ly thân hoặc ly hôn... và

việc đánh giá lý do chia tài sản là chính đáng hay không chính đáng đều mang đậm màu sắc chủ quan của công chứng viên, thẩm phán.

Ngoài ra, pháp luật chưa quy định trường hợp người có quyền, lợi ích liên quan - cụ thể là người mà vợ, chồng có nghĩa vụ thanh toán, được yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng để bảo vệ quyền lợi của mình. Vậy trong trường hợp này, người thứ ba có thể dẫn chiếu quy định tại Điều 224 BLDS năm 2005 để yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng hay không? Nếu không được quyền yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng thì có cơ chế nào để bảo vệ quyền lợi của họ không? Điểm vướng mắc này cần được Luật chung và Luật chuyên ngành tháo gỡ bằng những quy định cụ thể, rõ ràng để vừa bảo vệ chế độ tài sản chung của vợ chồng vừa đảm bảo được quyền lợi của người có quyền.

2.1.2. Thực tiễn áp dụng các quy định về nguyên tắc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân

Luật HN&GD năm 2000 và văn bản hướng dẫn thi hành không quy định nguyên tắc chia khi tài sản chung được chia tại Tòa án. Trên thực tế, có Tòa án đã vận dụng linh hoạt nguyên tắc chia tài sản chung khi ly hôn để giải quyết. Ví dụ, Bản án sơ thẩm số 05/2008/HNGĐ-ST của TAND thành phố Hải Dương xử vụ án chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Lương Quang Nhĩ và bà Phạm thị Xuyên. Tuy nhiên, do không được quy định cụ thể nên không phải Tòa án nào cũng áp dụng pháp luật tương tự như vậy. Điều đó có thể dẫn đến tình trạng cùng một loại việc nhưng tại những Tòa án khác nhau lại có đường lối giải quyết khác nhau và có thể làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của vợ chồng.

2.1.3. Thực tiễn áp dụng các quy định về hậu quả pháp lý của việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân

Về mặt lý thuyết, việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Tuy nhiên, áp dụng vào thực tế, khi tài sản chung còn lại không đáng kể, thậm chí là không còn, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất kinh doanh và những thu nhập hợp pháp khác của mỗi bên sau khi chia là tài sản riêng của vợ, chồng... thì việc đảm bảo đời sống của gia đình, của các con lại hoàn toàn phụ thuộc vào thỏa thuận của vợ chồng, vào lương tâm, trách nhiệm của cha mẹ với con cái.

Mặt khác, Luật thuế thu nhập cá nhân và quy định về Lệ phí trước bạ không quy định cụ thể về thủ tục cũng như những điều kiện ưu tiên, miễn giảm đối với trường hợp vợ chồng đăng ký lại tài sản sau khi chia tài sản chung đã vô tình khiến cho tình trạng vợ chồng "né tránh" làm văn bản thỏa thuận chia tài sản chung và thực hiện các giao dịch giả dưới các hình thức khác như tặng cho, ủy quyền... diễn ra ngày một nhiều trong thực tế.

Về quy định khôi phục chế độ tài sản chung của vợ chồng, trường hợp trước đó vợ chồng chia tài sản chung theo quyết định của Tòa án, nay muốn khôi phục, vợ chồng có thể tự thỏa thuận được không hay phải có bản án hoặc quyết định của Tòa án về việc khôi phục chế độ tài sản chung của vợ chồng; việc khôi phục chế độ tài sản chung sẽ có hiệu lực vào thời điểm nào? Pháp luật còn đang bỏ ngỏ câu trả lời cho những câu hỏi trên mà thực tế đặt ra.

2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn

Thực tiễn hiện nay cho thấy, tình trạng các vụ ly hôn phải kéo dài nhiều năm, qua nhiều lần xét xử do đương sự không nhất trí với các phán quyết của Tòa án về phân tài sản vẫn phổ biến. Thực trạng trên bắt nguồn từ tính chất phức tạp của các tranh chấp tài sản chung, từ sự thiếu hiểu biết pháp luật của nhiều cặp vợ chồng, sự hạn chế về trình độ của một số thẩm phán... và đặc biệt là từ những quy định chưa thực sự đi vào cuộc sống của pháp luật về chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn.

2.2.1. Thực tiễn áp dụng quy định về xác định tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn

Xác định tài sản chung trong trường hợp vợ chồng thỏa thuận tài sản chung hoặc nhập tài sản riêng vào tài sản chung

Pháp luật đã quy định "việc nhập tài sản là nhà ở, quyền sử dụng đất và các tài sản khác có giá trị lớn thuộc quyền sở hữu riêng của một bên vợ hoặc chồng vào tài sản chung phải được lập thành văn bản, có chữ ký của cả vợ và chồng" (Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 70). Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng đã nảy sinh nhiều vướng mắc như giá trị tài sản là bao nhiêu thì được coi là tài sản có giá trị lớn để việc nhập tài sản riêng của vợ, chồng vào tài sản chung phải lập thành văn bản? Và khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cơ quan có thẩm quyền có phải yêu cầu vợ chồng xuất trình văn

bản nhập tài sản riêng vào tài sản chung không? Quy định trên chỉ áp dụng đối với trường hợp vợ, chồng nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng hay áp dụng cả với trường hợp vợ chồng thỏa thuận tài sản chung?.. Hiện nay, những vấn đề này vẫn bị bỏ ngỏ và vợ chồng luôn có nguy cơ rơi vào tình trạng tranh chấp tài sản khi ly hôn Ví dụ vụ tranh chấp quyền sở hữu nhà khi ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim Dung và anh Đàm Ngọc Ánh.

Xác định tài sản chung trong trường hợp vợ chồng sống chung với gia đình

Trường hợp tài sản của vợ chồng trong khối tài sản chung của gia đình không thể xác định được, vợ chồng, gia đình và Tòa án sẽ phải căn cứ vào công sức đóng góp của vợ chồng vào việc tạo lập, duy trì, phát triển khối tài sản chung và đời sống chung của gia đình để xác định. Tuy nhiên, việc đánh giá và quy đổi một vấn đề trừu tượng như công sức đóng góp thành một khối lượng tài sản cụ thể là hết sức khó khăn đòi hỏi có sự thiện chí hợp tác của gia đình. Thực tế có không ít vợ chồng, đặc biệt là người vợ hoặc chồng phải ra đi đã không chứng minh được công sức đóng góp ví dụ trường hợp của chị Lê Thị L (xã Vị Đông, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang)

Xác định tài sản chung là nhà ở, quyền sử dụng đất

Trong số các tranh chấp tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn thì tranh chấp liên quan đến quyền sử dụng đất và nhà ở là phổ biến và cũng là các tranh chấp diễn ra gay gắt nhất. Do nhà ở và quyền sử dụng đất là những tài sản có giá trị lớn, quá trình hình thành, chuyển nhượng phức tạp trong khi đó, trình độ và ý thức tuân thủ pháp luật của người dân còn hạn chế dẫn tới tranh chấp gia tăng, việc xác định tài sản chung của vợ chồng gặp nhiều khó khăn như vụ tranh chấp nhà ở giữa vợ chồng Chị Nguyễn Thu Lan, anh Trần Huân Dũng với bà Tâm, ông Ngà (Hà Nội); tranh chấp của vợ chồng ông Hà Mai Thành và bà Phạm Thị Liên (Hải Dương)... Ngoài ra, nhiều vụ tranh chấp tài sản chung là nhà ở, quyền sử dụng đất kéo dài còn bắt nguồn từ sự yếu kém về trình độ chuyên môn của một bộ phận thẩm phán không xác định đúng chủ sở hữu quyền sử dụng đất điển hình như vụ án ly hôn giữa bà Đặng Thị Quyền và ông Phạm Văn Nữ (Hà Tĩnh).

Xác định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng

Trường hợp vợ chồng đã chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, nay xin ly hôn thì việc xác định các khoản nợ của vợ chồng được thực hiện như thế nào? Qua vụ ly hôn của Ông Hà Mai Thành và Bà Phạm Thị Liên tại

TAND tỉnh Hải Dương chúng tôi cho rằng thực tiễn phát triển đa dạng đã khiến cho pháp luật bộc lộ những điểm "khuyết" và cần được bổ sung kịp thời.

2.2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định về nguyên tắc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn

Theo chúng tôi, khó khăn lớn nhất của các Tòa án khi quyết định phân chia tài sản chung là việc vận dụng các nguyên tắc chia tài sản chung sao cho phù hợp với từng trường hợp cụ thể, đảm bảo được quyền, lợi ích của vợ chồng và những người có liên quan. Trên thực tế, do tình tiết vụ án phức tạp, thiếu chứng cứ... nên nhiều Tòa án còn thiếu sót trong việc áp dụng các nguyên tắc này như:

- TAND tỉnh Kiên Giang áp dụng một cách máy móc đem "chia đôi tài sản chung" mà không vận dụng các quy định khác của nguyên tắc chia tài sản chung trong đó có nguyên tắc "*xem xét công sức đóng góp của mỗi bên vào việc tạo lập, duy trì, phát triển tài sản chung*" (Điểm a Khoản 2 Điều 95 Luật HN&GD năm 2000) trong vụ ly hôn của anh Hồ Văn Phước và chị Trần thị Tuyết Sương.

- TAND quận Lê Chân không vận dụng các quy định có liên quan đối với các loại tài sản tương ứng, không kết hợp và vận dụng linh hoạt các nguyên tắc chia tài sản chung dẫn tới lẫn lộn tài sản chung của vợ chồng anh Khánh, chị Nga và tài sản của công ty TNHH Đông Long; chia tài sản chung ảnh hưởng nghiêm trọng đến công ty và cả quyền, lợi ích của anh Khánh, chị Nga.

- TAND thành Phố Hà Nội đem chia hiện vật (tùng phòng) đối với ngôi nhà 38B Nam Ngự mà không xem xét nhu cầu sử dụng, hoàn cảnh của anh Ngữ, chị Minh gây khó khăn cho anh chị khi thi hành án và ảnh hưởng đến quyền lợi của người thứ ba (anh Nam - người thuê ngôi nhà 38B Nam Ngự).

2.3. Thực tiễn áp dụng các quy định chia tài sản chung của vợ chồng khi vợ hoặc chồng chết

2.3.1. Thực tiễn áp dụng các quy định về xác định tài sản chung của vợ chồng khi vợ hoặc chồng chết

Khi mà một bên vợ, chồng đã chết, việc xác định tài sản chung của vợ chồng trong thực tế hết sức khó khăn, đặc biệt đối với những tài sản không đăng ký quyền sở hữu, những trường hợp nhập tài sản riêng vào tài sản chung hoặc thỏa thuận là tài sản chung mà không lập thành văn bản.

2.3.2. Thực tiễn áp dụng các quy định về nguyên tắc chia tài sản chung của vợ chồng khi vợ hoặc chồng chết

Trường hợp vợ hoặc chồng chết, việc chia đôi tài sản chung của vợ chồng, mỗi bên được hưởng một nửa được xem là nguyên tắc kế thừa của luật HN&GD năm 1986 và Pháp lệnh thừa kế năm 1990, nguyên tắc này cũng được nhiều chuyên gia trong lĩnh vực Luật HN&GD thừa nhận. Tuy nhiên, thực tế vẫn ghi nhận những bản án chia tài sản chung khi vợ, chồng chết áp dụng nguyên tắc trên bị sửa, hủy như vụ tranh chấp tài sản giữa chị P (con vợ ba) và Bà G (vợ cả) về tài sản thừa kế của Ông V. Hội đồng thẩm phán TANDTC hủy bản án để xét xử sơ thẩm lại vì lý do việc chia tài sản chung chưa xem xét đến công sức đóng góp của bà G. Vì vậy câu hỏi tài sản chung của vợ chồng trong trường hợp vợ, chồng chết trước được chia như thế nào? có xem xét đến công sức đóng góp của mỗi bên hay không cần phải được trả lời bằng một quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật để các Tòa án có cơ sở áp dụng thống nhất.

2.3.3. Thực tiễn áp dụng các quy định về hậu quả pháp lý của việc chia tài sản chung của vợ chồng khi vợ hoặc chồng chết

Mặc dù BLDS năm 2005 có quy định về quan hệ nhân thân của người được Tòa án ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyên bố đã chết, trong đó có quy định cụ thể về quan hệ nhân thân của vợ chồng. Tuy nhiên, quy định về hệ quả tài sản "*Người bị tuyên bố là đã chết mà còn sống có quyền yêu cầu những người đã nhận tài sản thừa kế trả lại tài sản, giá trị tài sản hiện còn*" (Khoản 3 Điều 83 BLDS 2005) là quy định áp dụng chung, những đặc thù riêng trong việc khôi phục quan hệ tài sản của vợ chồng không được nhắc tới. Trong khi đó, luật HN&GD năm 2000 và các văn bản hướng dẫn thi hành không có quy định gì thêm về vấn đề này khiến cho việc hiểu và áp dụng không thống nhất.

Tóm lại, với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế, các quan hệ tài sản của vợ chồng diễn ra nhanh chóng và thường xuyên biến đổi đã và đang làm phát sinh những vấn đề mới mà pháp luật chưa kịp điều chỉnh hoặc chưa bao quát hết. Bên cạnh đó, một số quy định đã có nhưng còn chung chung, chưa cụ thể hoặc không phù hợp với thực tiễn như quy định về hệ quả pháp lý của việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, quy định về thỏa thuận tài sản chung... Những vấn đề trên đã khiến cho việc áp dụng pháp luật về

chia tài sản chung của vợ chồng gặp nhiều khó khăn, vướng mắc và đặt ra yêu cầu sửa đổi hoàn thiện pháp luật cũng như tìm giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trên thực tế.

Chương 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ CHIA TÀI SẢN CHUNG CỦA VỢ CHỒNG

3.1. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện chế định pháp luật về chia tài sản chung của vợ chồng

3.1.1. Hoàn thiện quy định pháp luật về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân

3.1.1.1. Giới hạn quyền chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân để thực hiện nghĩa vụ dân sự riêng

Pháp luật cần quy định cụ thể về nghĩa vụ mà vợ, chồng có quyền thỏa thuận hoặc yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Đó là *những nghĩa vụ riêng mà vợ, chồng không có hoặc không đủ tài sản riêng để thực hiện hoặc tài sản riêng đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ nhưng do đang được sử dụng chung và hoa lợi, lợi tức từ tài sản riêng đang là nguồn sống duy nhất của gia đình nên phải thực hiện nghĩa vụ bằng phần tài sản của mình trong tài sản chung.*

3.1.1.2. Quy định cụ thể về lý do chính đáng

Pháp luật cần quy định cụ thể tiêu chuẩn đánh giá lý do là chính đáng hay không chính đáng. Theo chúng tôi lý do là chính đáng khi thuộc một trong các trường hợp: Vợ hoặc chồng thường xuyên có hành vi phá tán tài sản chung; vợ chồng có mâu thuẫn sâu sắc trong việc quản lý, sử dụng, định đoạt tài sản chung; một bên vợ hoặc chồng bị coi là vắng mặt tại nơi cư trú hoặc bị tuyên bố mất tích theo quy định tại Điều 74 và Điều 78 BLDS năm 2005.

3.1.1.3. Quy định quyền yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng cho người thứ ba (người có quyền)

Theo chúng tôi, quy định cho người có quyền được yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là cần thiết để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho họ và

phù hợp với quy định về quyền yêu cầu của người có quyền tại Khoản 2 Điều 224 BLDS năm 2005.

3.1.1.4. Quy định cụ thể trường hợp vợ chồng yêu cầu Tòa án chia tài sản chung và nguyên tắc chia tài sản chung tại Tòa án

Pháp luật nên có hướng dẫn cụ thể về trường hợp vợ chồng *không thỏa thuận* được về chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân để làm cơ sở cho vợ chồng thực hiện cũng như Tòa án khi thụ lý, giải quyết yêu cầu của vợ chồng. Đồng thời, Luật HN&GD năm 2000 cũng cần được bổ sung nguyên tắc chia tài sản chung tại Tòa án. Có thể quy định nguyên tắc chia theo hướng *Tòa án căn cứ vào lý do, mục đích chia tài sản chung để quyết định phạm vi tài sản chung được chia. Việc chia tài sản chung được giải quyết theo các nguyên tắc chia tài sản chung khi ly hôn.*

3.1.1.5. quy định văn bản thỏa thuận chia tài sản chung đều phải công chứng, chứng thực hoặc được Tòa án công nhận

Nhằm kiểm soát hiệu quả thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng và bảo vệ quyền, lợi ích của những người liên quan, pháp luật nên *quy định mọi văn bản thỏa thuận chia tài sản chung đều phải công chứng hoặc được Tòa án công nhận* đồng thời nhà làm luật cũng cần quy định trách nhiệm thông báo của vợ, chồng đối với người xác lập giao dịch với mình về việc vợ chồng đã chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

3.1.1.6. Bổ sung thêm quy định về hậu quả pháp lý của chế định chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân

Hậu quả pháp lý của việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân cần được quy định chặt chẽ và hợp lý hơn "*Tài sản mà vợ chồng có được sau khi chia tài sản chung do được thừa kế chung, tặng cho chung là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp người để lại tài sản thừa kế, người tặng cho tài sản đã có sự phân định rõ quyền của mỗi bên vợ, chồng trong khối tài sản đó. Thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất kinh doanh và những thu nhập hợp pháp khác của mỗi bên sau khi chia tài sản chung là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác*".

Vấn đề khôi phục chế độ tài sản chung cần được luật hóa để đảm bảo tính thống nhất và nâng cao hiệu lực pháp lý của các quy định về hậu quả

pháp lý của chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Đồng thời, pháp luật nên quy định bổ sung Khoản 4 vào Điều 10 Nghị định số 70/2001/NĐ-CP với nội dung như sau: "*Trong trường hợp Tòa án cho chia tài sản chung theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định này, thì văn bản thỏa thuận khôi phục chế độ tài sản chung cũng phải được Tòa án công nhận và có hiệu lực kể từ ngày quyết định của Tòa án công nhận thỏa thuận khôi phục chế độ tài sản chung của vợ chồng có hiệu lực pháp luật.*"

3.1.1.7. Quy định cụ thể về thuế, lệ phí liên quan đến tài sản được chia khi vợ chồng chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

Để tránh tình trạng né tránh làm văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng đang diễn ra phổ biến trong thực tế, chúng tôi đề nghị các văn bản luật có liên quan, cụ thể là luật thuế thu nhập cá nhân hoặc văn bản hướng dẫn và Nghị định quy định về lệ phí trước bạ phải dự liệu thêm trường hợp chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân (đối với các tài sản là bất động sản, tài sản khác phải đăng ký quyền sở hữu) là trường hợp được miễn thuế, không phải nộp lệ phí trước bạ.

3.1.2. Hoàn thiện quy định pháp luật về chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn

3.1.2.1. Hướng dẫn cụ thể về hình thức nhập tài sản riêng vào tài sản chung theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 Luật HN&GD năm 2000

Việc thỏa thuận tài sản chung và việc nhập tài sản riêng của một bên vợ, chồng vào tài sản chung của vợ chồng phải được lập thành văn bản, có chữ ký của cả vợ và chồng nếu theo quy định của pháp luật tài sản đó phải đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng

3.1.2.2. Hướng dẫn cụ thể về nguyên tắc chia tài sản chung khi vợ chồng sống cùng với gia đình

Quy định tại Điều 96 Luật HN&GD năm 2000 cần được hướng dẫn cụ thể hơn về cách đánh giá công sức đóng góp, quy tắc "chia một phần trong khối tài sản chung". Việc có hướng dẫn chính thức từ phía TANDTC về các vấn đề trên sẽ giúp cho Tòa án các cấp có hướng giải quyết đúng đắn đối với các yêu cầu chia tài sản chung, đặc biệt là trường hợp vợ chồng yêu cầu chia tài sản là nhà ở, quyền sử dụng đất chung của gia đình.

3.1.3. Hoàn thiện quy định pháp luật về chia tài sản chung của vợ chồng khi vợ hoặc chồng chết

3.1.3.1. Quy định nguyên tắc chia tài sản chung khi vợ hoặc chồng chết

Cần quy định nguyên tắc chia tài sản chung của vợ chồng khi một bên vợ hoặc chồng chết trước làm cơ sở giải quyết cho Tòa án các cấp. Trong trường hợp này chúng ta có thể kế thừa quy định của Luật HN&GD năm 1986 và Pháp lệnh thừa kế năm 1990 để quy định "*Khi một bên vợ hoặc chồng chết trước, nếu cần chia tài sản chung thì chia đôi. Phần tài sản của người chết được chia theo quy định của pháp luật thừa kế.*"

3.1.3.2. Quy định rõ hậu quả của việc hủy bỏ quyết định tuyên bố vợ hoặc chồng là đã chết

Về hậu quả của việc hủy bỏ quyết định tuyên bố vợ hoặc chồng đã chết chúng tôi xin kiến nghị một số hướng sửa đổi như sau:

Một là, nếu luật vẫn tiếp tục quy định khi có quyết định hủy bỏ quyết định tuyên bố vợ, chồng chết, quan hệ hôn nhân đương nhiên được khôi phục nếu người còn sống chưa kết hôn với người khác, thì cần có *hướng dẫn cụ thể về vấn đề khôi phục quan hệ tài sản của vợ chồng* đặc biệt là thời điểm khôi phục để có cơ sở xác định chính xác tài sản chung của vợ chồng.

Hai là, quy định theo *hướng quan hệ hôn nhân chấm dứt khi một người bị tuyên bố là đã chết, ngay cả trong trường hợp sau này quyết định đó bị hủy bỏ*. Nếu quy định theo hướng này, trước tiên chúng ta sẽ phải sửa đổi Khoản 2 Điều 83 BLDS năm 2005 sau đó mới có thể sửa Điều 26 Luật HN&GD năm 2000 để tránh tình trạng luật chuyên ngành mâu thuẫn với luật chung.

3.2. Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về chia tài sản chung của vợ chồng

3.2.1. Giải pháp nâng cao chất lượng xét xử các vụ việc liên quan tới chia tài sản chung của vợ chồng

Ngành Tòa án cần bổ nhiệm các thẩm chuyên trách về HN&GD cho Tòa án cấp huyện; thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ xét xử các vụ việc về hôn nhân gia đình đặc biệt là vụ việc về chia tài sản chung của vợ chồng để các thẩm phán trao đổi kinh nghiệm, học tập nâng cao kỹ năng xét xử; TANDTC định kỳ ban hành các tập hợp án điển hình về các vụ án liên quan đến chế độ chia tài sản chung của vợ chồng...

3.2.2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển các tổ chức hành nghề công chứng

Với kiến nghị mọi văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân đều phải công chứng hoặc được Tòa án công nhận thì cần thiết phải có cơ chế hỗ trợ công chứng phát triển. Vì vậy, việc cấp phép thành lập mới các văn phòng công chứng tư phải đảm bảo theo quy hoạch, phân bổ hợp lý giữa các vùng, các địa phương. Đồng thời, Nhà nước cũng cần xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát hiệu quả để đảm bảo "chất lượng" công chứng.

3.2.3. Triển khai đồng bộ, nghiêm túc quy định pháp luật về đăng ký tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng

Cơ quan chức năng cần quán triệt việc thực hiện đúng quy định pháp luật đối với đội ngũ cán bộ tiến hành đăng ký tài sản. Đồng thời thường xuyên tổng kết, cập nhật số liệu về tình hình thực hiện đăng ký tài sản chung của vợ chồng để rút kinh nghiệm và đề ra phương hướng triển khai thực hiện quy định pháp luật hiệu quả hơn

3.2.4. Tuyên truyền, phổ biến sâu, rộng pháp luật hôn nhân và gia đình đặc biệt là các quy định về tài sản chung của vợ chồng

Cần đẩy mạnh tuyên truyền và nâng cao nhận thức của vợ chồng về các quy định liên quan đến tài sản của vợ chồng như quy định pháp luật về tài sản chung, tài sản riêng của vợ chồng, hình thức, thủ tục thực hiện các giao dịch về tài sản, quy định về đăng ký quyền sở hữu tài sản chung...

Tóm lại, quy định pháp luật về chia tài sản chung của vợ chồng có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn, để các quy định này được áp dụng đúng và hiệu quả cần phải kết hợp nhiều giải pháp và thực hiện những giải pháp đó một cách đồng bộ trên thực tế từ việc sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật đến việc nâng cao trình độ chuyên môn đội ngũ cán bộ áp dụng pháp luật, tuyên truyền phổ biến pháp luật...

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật về chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định pháp luật Việt Nam, chúng tôi rút ra một số kết luận chính như sau:

1. Tài sản chung của vợ chồng thuộc hình thức sở hữu chung hợp nhất có thể phân chia. Chia tài sản chung của vợ chồng được hiểu là phân chia tài sản chung thành từng phần thuộc sở hữu riêng của vợ và của chồng. Pháp luật Việt Nam thời kỳ phong kiến chỉ có một vài quy định nhỏ về chia tài sản chung của vợ chồng, qua quá trình phát triển, đến nay chế định này đã trở thành một chế định cơ bản trong hệ thống các quy định pháp luật về HN&GD và chế định đó đóng vai trò quan trọng trong thực tiễn.

2. Chế độ tài sản của vợ chồng theo quy định của pháp luật Việt Nam là chế độ tài sản pháp định, theo đó, nguồn gốc tài sản chung, nguyên tắc sử dụng, định đoạt tài sản chung... do pháp luật quy định. Theo quy định pháp luật, tài sản chung của vợ chồng có thể được chia trong ba trường hợp là chia trong thời kỳ hôn nhân; chia khi ly hôn và chia khi một bên vợ hoặc chồng chết.

3. Pháp luật hiện hành đã quy định nhiều vấn đề cụ thể về các trường hợp chia tài sản chung của vợ chồng tạo cơ sở pháp lý để vợ chồng thực hiện và các cơ quan có thẩm quyền giải quyết các tình huống thực tế phát sinh. Tuy nhiên, qua thực tiễn áp dụng, các quy định này đã bộc lộ nhiều hạn chế và chưa phù hợp dẫn đến phát sinh nhiều tranh chấp tài sản phức tạp, kéo dài. Cụ thể, các quy định về chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân còn chưa cụ thể, chặt chẽ dễ dẫn đến tình trạng vợ chồng lạm dụng, nhà nước khó kiểm soát và ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của những người có liên quan; khi vợ chồng ly hôn, vấn đề xác định tài sản chung của vợ chồng trước khi chia vô cùng khó khăn do thực tiễn nảy sinh nhiều vấn đề là quy định pháp luật chưa quy định rõ ràng, cụ thể...; về chia tài sản chung khi vợ hoặc chồng chết trước, Tòa án lại lúng túng vì pháp luật không quy định nguyên tắc chia... Bên cạnh đó, do trình độ của một số thẩm phán còn hạn chế gây cản trở trong quá trình áp dụng pháp luật. Sự thiếu hiểu biết pháp luật của vợ chồng cũng là một trong những nguyên nhân làm giảm hiệu quả áp dụng pháp pháp luật về chia tài sản chung của vợ chồng trong thực tế.

4. Thực tế trên đòi hỏi phải có những giải pháp đồng bộ từ việc sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật đến việc nâng cao trình độ đội ngũ thẩm phán, nâng cao nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật của vợ chồng... để pháp luật phù hợp và đáp ứng được yêu cầu phát triển của đời sống, hạn chế những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng, bảo vệ tốt hơn lợi ích hợp pháp của vợ chồng và của những chủ thể có liên quan.